

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 28 tháng 5 năm 2024  
“V/V Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Anh Ngọc

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Dũng – Bà Nguyễn Thị Hà.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 2 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2024, về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2024/QĐ-HPT ngày 19 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H, sinh ngày 24/12/1993.

Nơi cư trú: xóm C, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt tại phiên tòa)

**-Bị đơn:** Anh Hoàng Danh T, sinh ngày 04/6/1993.

Nơi cư trú: xóm C, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

**- Về quan hệ tình cảm:** Chị Bùi Thị H và anh Hoàng Danh T cưới nhau vào tháng 10/2012. Trước khi cưới chị H, anh T có quá trình yêu đương tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình chấp nhận. Chị H, anh T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 59/2012 ngày 15/10/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, trong cuộc sống có nhiều va chạm, xử sự

không đúng mực đối với nhau, anh T không có thức xây dựng hôn nhân bền vững đối với chị H, không quan tâm đến vợ, nên mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống chung ngày càng trầm trọng sâu sắc. Chị H xác định hôn nhân giữa chị và anh T đã thực sự đổ vỡ sợi dây kết nối tình cảm giữa vợ và chồng không còn, nên tôi đã về bên ngoại tại huyện K, tỉnh Hòa Bình sống ly thân cắt đứt các quan hệ vợ chồng đối với anh T từ năm 2020 cho đến nay. Để ổn định cuộc sống chị H đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Danh T.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có 02 con chung, cháu Hoàng Thị M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/4/2013 và cháu Hoàng Danh H1 (Giới tính: N), sinh ngày 11/09/2016. Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung đang sinh sống với anh T và bên nội. Nếu ly hôn chị đề nghị giao hai con chung cho anh Trung trực t chăm sóc nuôi dưỡng, vì hai con chung đều có nguyện vọng được sinh sống với bố. Do con chung sinh sống với bố chị H sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ(hai triệu đồng), mỗi cháu 1.000.000đ ( Một triệu đồng).

- **Về tài sản chung:** Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Danh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh T không hợp tác, nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Hoàng Danh T tan rã đổ vỡ cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]Về tố tụng: Quan hệ pháp luật mà mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại xóm C, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã, tổng đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Hoàng Danh T

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Bùi Thị H, anh Hoàng Danh T được các bên thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật. Chị H, anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 59/2012 ngày 15/10/2012, nên xác định hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Hoàng Danh T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị H, anh T tan rã đổ vỡ là quá trình sống chung chị H thấy vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói, lối đi chung trong hôn nhân, xung đột cự cãi trong cuộc sống chung thường xuyên xảy ra, vợ chồng đã có những lời nói, xử sự không đúng mực đối với nhau. Hôn nhân giữa chị H, anh T tan rã đổ vỡ kể từ năm 2020, quá trình sống sống ly thân cho đến ngày xét xử vụ án đã hơn ba năm, các bên không có động thái gì về việc níu kéo hôn nhân xây dựng hôn nhân bền vững. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị H, anh T đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh T là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Hoàng Danh T.

- Về quan hệ con chung: Từ lúc vợ chồng sống ly thân hai con chung của vợ chồng được anh T và bên nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung phát triển tốt về mọi mặt, hai con chung không có mong muốn được sinh sống với mẹ, con chung có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp với bố. Nên chị Bùi Thị H nghị giao con theo hiện trạng tức là giao hai con cho anh Trung trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng với pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên cần nhận việc đề nghị giao nuôi con của chị Bùi Thị H.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không thu thập được yêu cầu của anh T đối với chị H về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng quá trình viết bản tự khai và tại phiên tòa chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hai chung cùng anh T mỗi tháng 2.000.000 đồng mỗi cháu 1.000.000 đồng là thể người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung, nên cần chấp nhận việc tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của chị Bùi Thị H.

- Về quan hệ tài sản: Chị Bùi Thị H không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Bùi Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

**Xử:**

**1. Về quan hệ tình cảm:** Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Hoàng Danh T.



**2. Về quan hệ con chung:** Giao con hai chung cháu chung cháu Hoàng Thị M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/4/2013 và cháu Hoàng Danh H1(Giới tính: N), sinh ngày 11/09/201 cho anh Hoàng D Trung trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Ghi nhận sự tự nguyện việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của chị Bùi Thị H như sau:

Chị Bùi Thị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Hoàng Danh T mỗi tháng 2.000.000 đ (Bằng chữ: Hai triệu đồng), mỗi cháu 1.000.000 đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2024 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Hoàng Danh T làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu chị Bùi Thị H không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Bùi Thị H người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về án phí:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Bùi Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Án phí chị H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số:0002734 ngày 09/4/2024, chị H còn phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã Tiến Thành (Nơi ĐKKH)

**Vũ Anh Ngọc**